



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hệ thống thông tin ngân hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	01		8,0	78	Liên	
2	000002	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	01		7,0	79	Thư?	
3	000003	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	01		5,0	75	Tùng	
4	000004	1101011259	Đình Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	01		8,0	76	Anh	
5	000005	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	01		5,0	80	Anh	
6	000006	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	01		5,0	77	H.Anh	
7	000007	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	01		4,0	82	Anh	
8	000008	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	01		5,0	81	Anh	
9	000009	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	01		8,5	101	Bảo	HP Đ nộp
10	000010	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	01		6,0	87	Chinh	
11	000011	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	01		6,0	91	Cường	
12	000012	1101011372	Đình Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	01		6,0	86	Đạo	
13	000013	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	01		Không	88	Đạt	
14	000014	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	01		5,0	89	Dũng	
15	000015	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	01		Không	85	Dương	
16	000016	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	01		2,0	90 ⁹³	Dương	
17	000017	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	01		3,0	83	Dương	
18	000018	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	01		3,0	84	Giang	
19	000019	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	01		6,0	95	Hương	
20	000020	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01		8,0	94	Hải	
21	000021	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	01		8,0	96	Hòa	
22	000022	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	01		6,0	92	Hồng	
23	000023	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	01		3,0	98	Hồng	HP Đ nộp
24	000024	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	01		8,0	99	Hùng	
25	000025	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	01		6,0	100	Hùng	
26	000026	1101011279	Nguyễn Khải	Hung	07/10/2005	NH11A	01		6,0	105	Hùng	
27	000027	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	01		6,0	104	Huyền	
28	000028	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01		6,0	103	Khang	
29	000029	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	01		7,5	97	Khánh	
30	000030	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	01		7,0	106	Khánh	
31	000031	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	01		4,0	102	Kiên	

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 3.....

Ngày 10 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Mai Huyền

Vũ Thị Thảo



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Hệ thống thông tin ngân hàng

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chi chú
1	000032	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	01		8,0		Lam	75
2	000033	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	01		Không		Linh	77
3	000034	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	01		3,0		Linh	78
4	000035	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	01		7,0		Linh	79
5	000036	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01		3,0		Linh	81
6	000037	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	01		5,0		Linh	82
7	000038	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	01		7,0		Linh	83
8	000039	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	01		6,0		Linh	84
9	000040	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	01		5,0		Minh	85
10	000041	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	01		4,0		Minh	86
11	000042	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	01		4,0		Minh	87
12	000043	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	01		3,0		My	88.
13	000044	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	01		4,0		Ngọc	89.
14	000045	1101010874	Nguyễn Trần Thống	Nhất	19/01/2005	NH11A	01		6,0		Thống	90
15	000046	1101010875	Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	01		2,0		Nhi	92
16	000047	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	01		6,0		Như	91
17	000048	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	01		8,5		Nhung	93
18	000049	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	01		8,5		Phúc	96
19	000050	1101011399	Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	01		4,0		Phúc ng	HP
20	000051	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	01		Một		Quân	80
21	000052	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	01		8,0		Quang	94
22	000053	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	01		Một		Quang	95
23	000054	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	01		4,0		Quỳnh	96
24	000055	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	01		6,0		Quỳnh	97
25	000056	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	01		8,5		Thảo	98
26	000057	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	01		4,0		Thiện	102
27	000058	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	01		Không	BB	Toàn	99
28	000059	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	01		8,0		Trang	100
29	000060	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	01		5,0		Trí	104
30	000061	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	01		7,5		Vân	101
31	000062	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	01		6,0		Vượng	103

Tổng số sinh viên dự thi:.....31.

Tổng số tờ giấy thi:.....24....

Tổng số biên bản:.....04....

Ngày 10... tháng 06... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Duyên Quan Thị Thu Huyền